

# **BỘ CHÍNH TRỊ VỚI VẤN ĐỀ TẠO VÀ NẮM THỜI CƠ KẾT THÚC THẮNG LỢI CUỘC KHÁNG CHIẾN CHỐNG MỸ**

**PGS. TS. Vũ Quang Hiến**

*(Tập chí Khoa giáo số tháng 4-2006)*

Cũng nh- trong khởi nghĩa, để giành thắng lợi trong chiến tranh thì không những phải tạo lực, lập thế, mà còn phải biết tranh thời. Có nắm đúng thời cơ thì mới có thể đánh địch trên thế mạnh và giành thắng lợi.

Khác với thời cơ trong khởi nghĩa, thời cơ trong chiến tranh, mà đặc tr- ng chủ yếu là đấu tranh quân sự, là lúc địch *“còn phân tán, sơ hở, bị bất ngờ, không phòng bị hay đang bị cô lập, hoặc đang ở trong tình thế hoang mang rối loạn”*<sup>1</sup>.

Mùa Xuân năm 1975, Bộ Chính trị Trung - ơng Đảng không những đã chỉ đạo chuẩn bị lực l- ợng chu đáo, phát huy cao độ mọi nỗ lực chủ quan, mà còn đánh giá đúng tình hình khách quan, sáng tạo thời cơ và mau lẹ chớp thời cơ, từng b- ớc chỉ đạo cuộc tổng tiến công và nổi dậy giành toàn thắng.

## ***1. Dự kiến đúng sự phát triển của tình hình, chuẩn bị đầy đủ lực l- ợng để sẵn sàng ứng phó với mọi khả năng***

Ngày 27-1-1973, Hiệp định Pari về chấm dứt chiến tranh lập lại hòa bình ở Việt Nam đ- ợc ký kết. Mặc dù Mỹ cam kết tôn trọng các quyền dân tộc cơ bản của n- ớc Việt Nam, nh- ng vẫn ch- a chịu từ bỏ dã tâm thực dân mới ở miền Nam. Họ tiếp tục theo đuổi chiến l- ợc chiến tranh Việt Nam hoá, dung túng cho chính quyền Sài Gòn và cùng với chính quyền Sài Gòn phá hoại Hiệp định Pari. Vì thế mặc dù hiệp định hòa bình đã ký kết, nh- ng cuộc chiến tranh ở miền Nam vẫn tiếp diễn.

Tháng 6-1973, Bộ Chính trị nhận định: *“Âm m- u cơ bản và lâu dài của đế quốc Mỹ và tay sai là tìm mọi cách xoá bỏ sự tồn tại của chính quyền và quân đội cách mạng để chúng độc chiếm miền Nam, chia cắt lâu dài đất n- ớc ta, biến miền Nam thành một nước riêng với một chế độ chính trị “quốc gia” thân Mỹ, một nền kinh tế và văn hóa chịu sự chi phối của Mỹ. Đế quốc Mỹ vẫn tiếp tục duy trì một sự cam kết nhất định về quân sự và tiếp tục giúp đỡ ngụy quyền Sài Gòn để cho bọn tay sai đủ sức đứng vững và đối phó với miền Bắc, đồng thời đảm bảo cho Mỹ bám trụ lâu dài ở miền Nam, mà tránh đ- ợc nguy cơ phải dính líu trực tiếp vào một cuộc chiến tranh mới ở miền Nam”*<sup>2</sup>.

Có ý kiến cho rằng cuộc đấu tranh ở miền Nam sau Hiệp định Pari mang tính chất một cuộc nội chiến. Điều đó không đúng. Tính chất cuộc đấu tranh ở miền Nam vẫn là giải phóng dân tộc, chống chủ nghĩa thực dân mới của đế quốc Mỹ, mà trực tiếp là chính quyền và quân đội Sài Gòn, công cụ của chủ nghĩa thực

dân mới. Không thể nghi ngờ gì về bản chất của chế độ chính trị Sài Gòn với nhãn hiệu “quốc gia”. Bộ Chính trị chỉ rõ: đó là một chế độ nô dịch, đại biểu lợi ích của đế quốc Mỹ, của các thế lực quan liêu, quân phiệt phản động. “Chính quyền đó là công cụ xâm lược của đế quốc Mỹ, chịu sự điều khiển của Mỹ thông qua toà Đại sứ và hệ thống cố vấn Mỹ”<sup>3</sup>. Phải xoá bỏ chế độ tay sai đế quốc Mỹ ở miền Nam là tất yếu. Đó là sức cản trở làm cho Hiệp định Pari không thể đi-ợc thực hiện.

Bộ Chính trị vạch rõ: cuộc đấu tranh giữa nhân dân ta ở miền Nam chống đế quốc Mỹ và tay sai “là một cuộc đấu tranh một mất một còn để giải quyết vấn đề “ai thắng ai” giữa hòa bình với chiến tranh, giữa độc lập dân tộc với chủ nghĩa thực dân mới, giữa dân chủ tự do và độc tài phát xít, giữa hoà hợp dân tộc và thống nhất nước nhà với chia rẽ dân tộc và chia cắt đất nước”<sup>4</sup>.

Căn cứ vào tình hình thực tiễn lúc đó, Bộ Chính trị dự đoán hai khả năng: *một là*, Hiệp định Pari đi-ợc thi hành từng bước, xung đột quân sự giảm dần, hòa bình đi-ợc lập lại về cơ bản; đấu tranh chính trị ngày càng phát triển, cách mạng ở thế tiến lên mạnh mẽ; *hai là*, địch gây chiến tranh trở lại; ta phải tiến hành chiến tranh cách mạng để giành thắng lợi. Nhưng “dù tình hình phát triển theo khả năng nào, *con đường tiến lên giành thắng lợi của cách mạng miền Nam chỉ có thể là con đường bạo lực diễn ra dưới hình thức này hay hình thức khác. Ta phải chuẩn bị sẵn sàng đối phó với khả năng xấu nhất là địch gây lại chiến tranh.* Nh- ng ph- ong h- ớng chủ động tích cực và đúng đắn hiện nay có lợi nhất cho sự nghiệp cách mạng của ta, là kết hợp đấu tranh chính trị, quân sự, ngoại giao trên cơ sở hành động cách mạng đông đảo quần chúng trong vùng địch kiểm soát, buộc địch thi hành Hiệp định, buộc địch đi vào hòa bình để thắng địch”<sup>5</sup>.

Trong khi tranh thủ khả năng thi hành Hiệp định Pari, việc chuẩn bị sẵn sàng đối phó với khả năng chiến tranh đi-ợc tiến hành hết sức khẩn tr- ong. Theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, hậu ph- ong miền Bắc đi-ợc củng cố về mọi mặt và tăng c- ờng chi viện cho tiền tuyến. Trong hai năm 1973-1974 có 25 vạn thanh niên miền Bắc lên đi- ờng nhập ngũ; 15 vạn bộ đội chủ lực cùng 379 000 tấn vật chất (bằng 54% tổng khối l- ượng vật chất đi- ợc chi viện trong 16 năm tr- ớc) đi- ợc tăng c- ờng cho miền Nam. Hậu ph- ong tại chỗ ở miền Nam cũng huy động đến mức cao nhất sức ng- ời, sức của. Trong hai năm 1973-1974, có 12 000 thanh niên miền Nam gia nhập Quân giải phóng. Những nỗ lực của hậu ph- ong chiến l- ợc và hậu ph- ong tại chỗ làm tăng nhanh lực l- ượng chiến đấu trên chiến tr- ờng. Chỉ tính riêng bộ đội chủ lực, lúc đó ta xây dựng đi- ợc 4 quân đoàn. Một quân đoàn đứng chân ở miền Bắc làm lực l- ượng dự bị chiến l- ợc, còn ba quân đoàn triển khai trên các địa bàn trọng điểm ở miền Nam: Trị Thiên, Tây Nguyên và Đông Nam Bộ. Thế và lực của quân và dân ta ngày càng mạnh hơn địch.

## ***2. Đẩy mạnh cuộc đấu tranh trên ba mặt trận quân sự, chính trị và ngoại giao, đồng thời theo dõi sát tình hình để xác định thời cơ***

Đấu tranh thi hành Hiệp định Pari không chỉ là đòi thực hiện các điều khoản của Hiệp định, mặc dù đó cũng là một bộ phận quan trọng của đấu tranh cách mạng, mà vấn đề có ý nghĩa quyết định là tiếp tục làm thay đổi so sánh lực lượng có lợi cho cách mạng.

Từ mùa xuân 1973 đến mùa xuân 1975, sự nghiệp chống Mỹ cứu nước diễn ra trong bối cảnh quốc tế có nhiều thuận lợi, nhưng cũng khá phức tạp. Bộ Chính trị nhận thức rằng: “Đối với ta, điều quan trọng của Hiệp định Pari không phải là ở chỗ thừa nhận hai chính quyền, hai quân đội, hai vùng kiểm soát, tiến tới thành lập chính phủ ba thành phần, mà mấu chốt là quân Mỹ phải ra, còn quân ta thì ở lại.... Ý định của ta là giữ nguyên thế và lực của mình ở miền Nam để tiến lên tiếp tục tiến công địch”. Đó là một bước thắng lợi hết sức cơ bản, tạo điều kiện để tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Kiên trì tư tưởng chiến lược tiến công, Bộ Chính trị khẳng định: “Quyết tâm của chúng ta là tiến lên giành thắng lợi cuối cùng chứ không bao giờ dừng lại”<sup>6</sup>.

Tranh thủ khả năng thứ nhất, Bộ Chính trị ra Nghị quyết thành lập *Ban Chỉ đạo đấu tranh thi hành Hiệp định Pari* với nhiệm vụ theo dõi tình hình thi hành Hiệp định; đôn đốc, hướng dẫn các ngành và các cơ quan hữu quan trong việc đấu tranh thi hành Hiệp định.

Kiên định về chiến lược, mềm dẻo trong vận dụng sách lược, tiếp tục kết hợp đấu tranh trên ba mặt trận: quân sự, chính trị và ngoại giao, duy trì cục diện “vừa đánh vừa đàm”, kiên quyết tiến công trừng trị quân địch phá hoại Hiệp định đình chiến, Bộ Chính trị chỉ đạo cuộc đấu tranh thi hành Hiệp định Pari, tập trung vào *ba vấn đề cấp bách* (ngừng bắn, tự do dân chủ và thả tù chính trị) là những nội dung hết sức cơ bản của Hiệp định, nhưng địch thường xuyên vi phạm. Mũi nhọn của cuộc đấu tranh nhằm vào Nguyễn Văn Thiệu, kẻ chủ tâm phá hoại Hiệp định, tiếp tục chiến tranh. Nghị quyết số 236 của Bộ Chính trị vạch rõ “phải đánh đổ Nguyễn Văn Thiệu thì mới có hòa bình và hoà giải dân tộc”. “Cần hình thành một mặt trận rộng rãi chống Thiệu, thành lập một chính quyền tán thành thật sự việc thi hành Hiệp định Pari, ban hành các quyền tự do dân chủ trong vùng chính quyền Sài Gòn kiểm soát, trả lại tự do cho các tù chính trị, thực hiện hòa bình và hoà hợp dân tộc”<sup>7</sup>.

Bộ Chính trị chủ trương tranh thủ sự đồng tình ủng hộ của dư luận quốc tế, cô lập Mỹ và chính quyền Sài Gòn, khoét sâu mâu thuẫn giữa lợi ích toàn cầu với lợi ích cục bộ ở miền Nam của đế quốc Mỹ, mâu thuẫn giữa Mỹ và nguy cơ mâu thuẫn giữa các thế lực tay sai của Mỹ.

Gi- ơng cao ngọn cờ thi hành Hiệp định Pari, phối hợp với đấu tranh chính trị và ngoại giao, các lực l- ợng vũ trang ta đã kiên quyết phản công và tiến công, đập tan những âm m- u và hành động lấn chiếm của địch. Ta giữ quyền chủ động trên khắp các chiến tr- ờng, củng cố và hoàn chỉnh thế chiến l- ợc liên hoàn từ Bắc vào Nam, xây dựng và tăng c- ờng các binh đoàn chủ lực cơ động, cải thiện đ- ợc tình hình nông thôn đồng bằng, phát động đ- ợc phong trào đấu tranh chính trị rộng lớn, tranh thủ sự đồng tình ủng hộ mạnh mẽ của nhân dân thế giới.

Chiến tranh xâm l- ợc Việt Nam làm cho lợi ích chiến l- ợc của Mĩ trên thế giới bị tổn hại. Trong khi Mĩ sa lầy và tổn thất do chiến tranh xâm l- ợc Việt Nam, thì Liên Xô v- ơn lên đạt thế cân bằng về lực l- ợng quân sự và vũ khí chiến l- ợc so với Mĩ, Tây Âu và Nhật Bản trở thành những trung tâm kinh tế – tài chính của thế giới, có sức cạnh tranh quyết liệt với Mĩ. Khác với tình hình sau Hiệp định Giơnevơ năm 1954 về Đông D- ơng là lúc Mĩ từng b- ớc vào thay thế Pháp ở miền Nam, đây là lúc Mĩ phải rút quân với bài học sâu sắc: “không để xảy ra một Việt Nam thứ hai”.

Theo sự chỉ đạo của Bộ Chính trị, công tác tuyên truyền quốc tế đ- ợc đẩy mạnh, làm cho cả thế giới thấy rõ Mĩ và chính quyền Sài Gòn là kẻ phá hoại Hiệp định Pari, là sức cản trở chủ yếu cho việc thực hiện hòa bình và hoà hợp dân tộc ở Việt Nam, và đều tập trung ủng hộ nhân dân Việt Nam chống Mĩ và chế độ chính trị Sài Gòn.

Trong hai năm 1973 và 1974, quân và dân ta giành đ- ợc những thắng lợi lớn trên khắp các chiến tr- ờng. Đặc biệt từ tháng 12-1974, các tỉnh đồng bằng sông Cửu Long và miền Đông Nam Bộ đã tiêu diệt hàng ngàn đồn bốt và giải phóng toàn tỉnh Ph- ớc Long. Chính quyền Sài Gòn bị đẩy vào thế suy yếu toàn diện, không thể nào g- ợng lại; quân đội Sài Gòn có hiện t- ượng thiếu hụt về quân số, sa sút về tinh thần, lâm vào thế phòng ngự bị động với chiến lược “nặng ở hai đầu”.

Tình hình chiến tr- ờng, quốc tế và n- ớc Mĩ đều có lợi cho ta, cho phép ta tiến lên giải phóng hoàn toàn miền Nam.

### ***3. Đánh giá đúng thời cơ, hạ quyết tâm chiến l- ợc chính xác***

Ngày 30-9-1974, Bộ Chính trị họp Hội nghị bàn nhiệm vụ chống Mỹ cứu n- ớc trong hai năm 1975-1976. Đợt một tạm dừng ngày 8-10-1974 để chờ các đồng chí ở chiến tr- ờng ra. Trong đợt họp này, Bộ Chính trị tập trung phân tích tình hình quốc tế của chiến tranh Việt Nam, đánh giá thời cơ chiến l- ợc để giải phóng hoàn toàn miền Nam.

Mĩ đã bị thất bại trong âm m- u độc chiếm Đông Nam Á, phải xoay sang bắt tay, thoả hiệp để chia quyền lợi và vùng ảnh h- ưởng với đối thủ của mình, tìm

cách chặn b-ớc tiến của cách mạng Việt Nam, kéo dài tình trạng chia cắt n-ớc Việt Nam. Ở thời điểm này, Việt Nam không chỉ là vấn đề đối đầu giữa hai hệ thống thế giới, mà về khách quan còn là đối thủ quan trọng phải khuất phục trong sự tính toán chiến l-ợc của những thế lực khác nhau muốn tranh giành Đông Nam Á. “*Âm m-u của họ rất nguy hiểm, nh-ng lúc này ch-a ai sẵn sàng, ch-a ai làm nổi*”. Mĩ đang rút ra, trước mắt muốn giữ tình hình miền Nam ổn định trong một số năm để chính quyền Sài Gòn có thể tiếp tục đứng vững và Mĩ có thời gian v-ợt qua những khó khăn trong n-ớc. So sánh lực l-ợng trên chiến tr-ờng đang có lợi cho ta. Ta đang ở thế thắng, thế tiến lên. Địch bị thất bại liên tiếp cả về chính trị và quân sự, nên thế và lực đang xuống dốc.

Để xác định quyết tâm chiến l-ợc, Bộ Chính trị thận trọng cân nhắc khả năng can thiệp trở lại của Mĩ vào miền Nam. Câu hỏi lớn đặt ra lúc đó là: Mĩ có thể cứu nguy cho nguy bằng cách mang quân trở lại miền Nam hay không (?). Bản chất của Mĩ rất ngoan cố, nh-ng sau những chuỗi dài thất bại, ý chí xâm l-ợc đã rã rời, đây là lúc Mĩ phải rút ra khỏi Việt Nam, mà đã ra thì việc quay lại không phải dễ. Ngoan cố bám giữ miền Nam đến cùng là một việc, mà quay trở lại miền Nam một lần nữa là một việc hoàn toàn khác.

Trên cơ sở phân tích mọi mặt, Bộ Chính trị đánh giá “Mĩ không có khả năng quay lại miền Nam”, đồng thời nêu rõ “dù Mĩ có can thiệp trở lại trong chừng mực nào thì chúng cũng không xoay chuyển đ-ợc tình thế, và ta vẫn thắng”.

Bộ Chính trị khẳng định *chúng ta đang có thời cơ, đây là thời cơ thuận lợi nhất để nhân dân ta hoàn toàn giải phóng miền Nam, giành thắng lợi trọn vẹn cho cách mạng dân tộc dân chủ, đồng thời giúp Lào và Campuchia hoàn thành sự nghiệp giải phóng dân tộc*. Ngoài thời cơ này không có thời cơ nào khác. Nếu để chậm m-oi, m-ời năm năm nữa, bọn nguy g-ợng dậy đ-ợc, các thế lực xâm l-ợc được hồi phục, thì tình hình sẽ vô cùng phức tạp. “*Quyết tâm của ta là động viên những nỗ lực cao nhất của toàn Đảng, toàn quân, toàn dân ở cả hai miền, mở cuộc tổng tiến công và nổi dậy cuối cùng, đ-a chiến tranh cách mạng phát triển đến mức cao nhất, tiêu diệt và làm tan rã toàn bộ quân nguy, đánh chiếm Sài Gòn, sào huyệt trung tâm của địch cũng nh- tất cả các thành thị khác, đánh đổ nguy quyền ở Trung - ơng và các cấp, giành toàn bộ chính quyền về tay nhân dân, giải phóng hoàn toàn miền Nam, hoàn thành cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả n-ớc, tiến tới thống nhất n-ớc nhà*”<sup>8</sup>. Bộ Chính trị chỉ rõ: ngay từ thời điểm này phải tiến hành mọi công việc chuẩn bị thật khẩn tr-ong, tạo điều kiện và cơ sở vật chất đầy đủ nhất để đánh mạnh, đánh nhanh, thắng gọn và thắng triệt để trong hai năm 1975-1976.

Từ ngày 8-12-1974 đến ngày 7-1-1975, Bộ Chính trị họp đợt hai, tiếp tục bổ sung và hoàn chỉnh quyết tâm chiến lược giải phóng hoàn toàn miền Nam. Cuộc họp sắp kết thúc thì ta giải phóng thị xã Phước Long và toàn tỉnh Phước Long (6-1-1975), nên địch không có phản ứng gì. Trận trinh sát chiến lược Phước Long cho thấy khả năng đối phó hạn chế của Mỹ.

Bộ Chính trị đánh giá tình hình miền Nam hai năm sau Hiệp định Paris, đi sâu phân tích so sánh lực lượng giữa ta và địch, khẳng định thế mạnh mới của ta. Về phía địch, tuy còn những chỗ mạnh nhất định (có gần 70 vạn quân, còn đủ 13 sư đoàn chủ lực, kiểm soát được hầu hết những thành phố lớn, nắm được những vùng nông thôn đông dân, nhiều cửa, được Mỹ viện trợ về quân sự, kinh tế và chỉ huy), nhưng “thế của địch ngày càng xấu, lực của địch ngày càng suy”. Bộ Chính trị thấy rõ hơn thời cơ lịch sử và khả năng thực tế để quyết chiến những trận cuối cùng, đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước đến toàn thắng. Bộ Chính trị quyết định “phải gấp rút chuẩn bị mọi mặt để kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh cứu nước trong năm 1975 hoặc năm 1976”. Nhiệm vụ, kế hoạch tác chiến là nắm vững thời cơ lịch sử, mở nhiều chiến dịch tổng hợp liên tiếp, đánh những trận quyết định. Bộ Chính trị vạch kế hoạch hoạt động năm 1975 cho từng chiến trường: Nam Bộ, Khu V, Tây Nguyên, Trị – Thiên và chỉ rõ: “Khi có thời cơ, sẽ cơ động thêm ba sư đoàn vào miền Đông. Sử dụng hai quân đoàn đánh chớp nhoáng, diệt mấy sư đoàn chủ lực nguy ở đây, rồi thọc vào Sài Gòn”.

Tuy khả năng can thiệp của Mỹ không nhiều, nhưng do Mỹ vẫn có mưu đồ duy trì chủ nghĩa thực dân mới, nếu quân đội Sài Gòn có khả năng chống cự được lâu dài thì Mỹ có thể dùng không quân, hải quân đánh phá trở lại, nên ta vẫn phải đề phòng và có kế hoạch chuẩn bị đối phó.

Trong khi xác định kế hoạch hai năm, Bộ Chính trị quyết định “phải cố gắng cao nhất để thắng gọn trong năm 1975. Điều đó là một khả năng hiện thực”. Để đảm bảo thắng lợi, phải làm hết sức mình để tăng cường lực lượng, đảm bảo đầy đủ về nhu cầu vật chất, kỹ thuật cho chiến trường, tuyển thêm 30 vạn quân, đẩy nhanh việc huấn luyện bộ đội, đào tạo cán bộ; làm thật tốt công tác chính trị, tư tưởng trong quân đội, trong nhân dân, động viên toàn quân, toàn dân nêu cao ý chí “tất cả cho tiền tuyến, tất cả để đánh thắng”; sử dụng khôn khéo vũ khí đấu tranh ngoại giao, góp phần gióng cao ngọn cờ hòa bình, độc lập, hoà hợp dân tộc nhằm cô lập bọn tay sai ngoan cố; làm sáng tỏ chính nghĩa của ta, tranh thủ sự ủng hộ của các lực lượng cách mạng và nhân dân tiến bộ trên thế giới; ngăn chặn âm mưu và thủ đoạn can thiệp, phá hoại của đế quốc Mỹ và bọn phản động quốc tế. Bộ Tổng tham mưu là cơ quan có trách nhiệm rất quan trọng trong việc triển khai thực hiện quyết định có ý nghĩa lịch sử này.

Bộ Chính trị chỉ rõ: “Trận quyết chiến chiến lược này là một sự nghiệp trọng đại. Nó sẽ đưa cuộc kháng chiến chống Mỹ cứu nước của nhân dân ta đến thắng lợi hoàn toàn, góp phần làm thay đổi cục diện ở Đông Dương, Đông Nam Á, mở ra bước phát triển mới trong phong trào cách mạng của nhân dân thế giới. Đảng ta quyết làm tròn sứ mệnh lịch sử vẻ vang đối với dân tộc và nghĩa vụ quốc tế cao cả... Chúng ta nhất định thắng”<sup>9</sup>.

#### ***4. Năm vững lực lượng dự bị chiến lược và chiến dịch, kiên quyết chỉ đạo tổng tiến công và nổi dậy, giải phóng hoàn toàn miền Nam***

Thực hiện một bước kế hoạch tác chiến chiến lược của Bộ Chính trị, Ngày 9-1-1975, Thường trực Quân ủy Trung ương bàn nhiệm vụ quân sự mùa Xuân 1975, xác định hướng tiến công chủ yếu là Tây Nguyên, trọng điểm là tỉnh Đắk Lắk, mục tiêu then chốt quyết định là Buôn Ma Thuột.

Trong phiên họp ngày 18-1-1975, Bộ Chính trị xác định một trong những nhiệm vụ chủ yếu của năm 1975 là: “Theo dõi chặt chẽ, chỉ đạo kịp thời, chỉ viện đầy đủ đối với sự nghiệp cách mạng miền Nam”. Bộ Chính trị có trách nhiệm “lãnh đạo chặt chẽ cách mạng miền Nam”, các cơ quan Nhà nước phải “tổ chức thực hiện tốt và kịp thời công tác chỉ viện miền Nam”<sup>10</sup>.

Tình thế thay đổi. Đã đến lúc chấm dứt cục diện “vừa đánh, vừa đàm”. Ta rút bỏ hai vấn đề cấp bách cũ và nêu *hai vấn đề cấp bách* mới: Mỹ không được dính líu bằng quân sự và đánh đổ *tập đoàn* Nguyễn Văn Thiệu. Mũi nhọn của cuộc đấu tranh tiếp tục nhằm vào Nguyễn Văn Thiệu, nhằm phân hoá và cô lập cao độ kẻ thù.

Ngày 5-2-1975, Bộ Tư lệnh Mặt trận Tây Nguyên được thành lập. Đoàn tiến công chiến lược trên chiến trường Tây Nguyên bắt đầu bằng trận điểm huyệt Buôn Ma Thuột (10-3-1975), mở ra bước phát triển thành tổng tiến công chiến lược.

Ngày 8-2-1975, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 2328 NQ-SN/TW, thành lập Đảng uỷ Mặt trận Trị – Thiên, đặt dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Quân uỷ Trung ương về mọi mặt, có nhiệm vụ lãnh đạo thống nhất kế hoạch hoạt động của các lực lượng vũ trang ở Trị – Thiên; phối hợp đấu tranh vũ trang, công tác địch vận với đấu tranh chính trị; đảm bảo hậu cần, hậu phương đối với các lực lượng vũ trang hoạt động ở Trị – Thiên.

Trong khi chiến dịch Tây Nguyên đang tiếp diễn, ngày 18-3-1975, Bộ Chính trị nhận định: thắng lợi to lớn có ý nghĩa chiến lược của ta đánh dấu một bước rất mới trong cục diện chiến lược chung, một bước suy sụp chiến lược của Mỹ – ngụy. Bộ Chính trị xác định quyết tâm giải phóng miền Nam trong năm 1975; quyết định tổ chức đòn tiến công chiến lược giải phóng Huế – Đà Nẵng và các tỉnh Trung Bộ, không cho địch rút về Sài Gòn.

Ngay khi giải phóng Trị Thiên – Huế, Ngày 25-3-1975, Bộ Chính trị nhận định: thời cơ chiến lược lớn đã tới. Trong 20 năm chống Mỹ cứu nước bao giờ ta có điều kiện thuận lợi bằng lúc này; cần nắm vững thời cơ, tranh thủ thời gian, tập trung lực lượng vào hướng chủ yếu, hành động táo bạo bất ngờ làm cho địch trở tay không kịp. Bộ Chính trị quyết định hoàn thành giải phóng miền Nam trước mùa xuân. Bộ Chính trị đánh giá: chiến thắng oanh liệt ở Buôn Ma Thuột và Tây Nguyên đã tạo ra thời cơ giải phóng Đà Nẵng. Cuộc họp Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương thông qua kế hoạch giải phóng Đà Nẵng, quyết định thành lập Mặt trận Đà Nẵng. Bộ Chính trị chỉ rõ: phải tập trung lực lượng từ hai phía, từ Thừa Thiên – Huế đánh vào và từ Nam – Ngãi đánh ra, tiêu diệt toàn bộ sinh lực địch ở Đà Nẵng, không cho chúng co cụm về giữ Sài Gòn. “Trong lúc này thời gian là lực lượng. Phải hành động hết sức táo bạo, bất ngờ, làm cho địch không kịp trở tay”.

Để đáp ứng những yêu cầu lớn về mọi mặt của chiến trường và của vùng giải phóng ngày càng mở rộng, Bộ Chính trị ra Nghị quyết số 241-NQ/TW về việc thành lập Hội đồng chỉ viện miền Nam ở Trung ương do đồng chí Phạm Văn Đồng làm Chủ tịch. Hội đồng có nhiệm vụ quyết định những chủ trương, kế hoạch, biện pháp tích cực nhất, hiệu quả nhất nhằm chỉ đạo và kiểm tra đôn đốc các cấp ủy đảng, chính quyền huy động sức người, sức của thật đầy đủ, kịp thời để đáp ứng mọi yêu cầu của miền Nam trong tình hình mới.

Ngay sau khi giải phóng Đà Nẵng (29-3-1975), ngày 30-3-1975, Bộ Chính trị quyết định mở cuộc Tổng công kích, tổng khởi nghĩa vào sào huyệt cuối cùng của kẻ thù, giải phóng Sài Gòn – Gia Định. Ngày 31-3-1975, Bộ Chính trị nghe Quân ủy Trung ương báo cáo tình hình và nhận định cuộc tổng tiến công chiến lược của ta trên thực tế đã bắt đầu từ chiến dịch Tây Nguyên. Sau những chiến thắng Tây Nguyên và Đà Nẵng, các lực lượng vũ trang ta đã lớn mạnh về ợt bậc, tinh thần và trình độ chiến đấu nâng lên rõ rệt. Quân chủ lực, trong một thời gian ngắn đã tăng lên gấp bội, có sức cơ động khắp các chiến trường. Về chiến lược, về lực lượng quân sự và chính trị, ta đã có sức mạnh áp đảo, địch đang đứng trước nguy cơ sụp đổ và diệt vong, Mỹ tỏ ra hoàn toàn bất lực, dù có tăng viện cũng không thể cứu vãn tình thế. Cuộc chiến tranh cách mạng ở miền Nam không những đã bước vào giai đoạn phát triển nhảy vọt, mà thời cơ mở tổng tiến công và nổi dậy tại Sài Gòn – Gia Định đã chín muồi. Từ giờ phút này, trận quyết chiến chiến lược cuối cùng của quân và dân ta bắt đầu.

Bộ Chính trị nhấn mạnh: “Cách mạng nước ta đang phát triển với nhịp độ “một ngày bằng hai mươi năm”. “Chúng ta phải nắm vững thời cơ chiến lược, quyết tâm thực hiện tổng tiến công và nổi dậy, kết thúc thắng lợi chiến tranh giải



phóng trong thời gian ngắn nhất. Tốt hơn cả là bắt đầu và kết thúc trong tháng 4 năm nay, không để chậm. Phải hành động “thần tốc, táo bạo, bất ngờ”. Phải tiến công ngay lúc địch hoang mang suy sụp”<sup>11</sup>. Bộ Chính trị chỉ đạo gấp rút tăng lực lượng vào hướng tây Sài Gòn, thực hiện chia cắt và bao vây chiến lược, triệt hẳn đường số 4, áp sát Sài Gòn; đồng thời nhanh chóng tập trung lực lượng ở hướng đông và đông nam, đánh chiếm những mục tiêu quan trọng, tổ chức bao vây và cô lập Sài Gòn từ phía Long Khánh, Bà Rịa, Vũng Tàu; tổ chức sẵn sàng những đơn vị binh chủng hợp thành mạnh để khi thời cơ xuất hiện thì tức khắc đánh chiếm những mục tiêu quan trọng nhất trong thành phố.

Để tập trung lực lượng, Bộ Chính trị quyết định điều động Quân đoàn 3 từ Tây Nguyên xuống và đưa Quân đoàn dự bị vào chiến trường. Bộ Chính trị cũng quyết định thành lập Bộ Chỉ huy và Đảng ủy mặt trận Sài Gòn để tập trung, thống nhất cao độ sự lãnh đạo và chỉ đạo đối với chiến trường trọng điểm. Ba ủy viên Bộ Chính trị trực tiếp tham gia Bộ Chỉ huy chiến dịch: Lê Đức Thọ, Phạm Hùng, Văn Tiến Dũng.

Ngày 14-4-1975, theo đề nghị của Bộ Chỉ huy chiến dịch, Bộ Chính trị gửi điện số 37/TK đồng ý đặt tên cho chiến dịch giải phóng Sài Gòn – Gia Định là chiến dịch Hồ Chí Minh. Bức điện nhấn mạnh đó là một chiến dịch tiến công hiệp đồng binh chủng quy mô lớn có kết hợp với nổi dậy của quần chúng, kết thúc chiến tranh. Đó là chiến dịch quyết chiến chiến lược.

Thực hiện sự chỉ đạo của Bộ Chính trị và Quân ủy Trung ương, cả nước tập trung đến mức cao nhất mọi lực lượng và phương tiện vật chất kỹ thuật để đảm bảo cho thắng lợi cuối cùng. Quân đoàn I đang đứng chân ở miền Bắc được lệnh lên đường, hành quân không kể ngày đêm vào tham gia chiến dịch. Lực lượng ta tập trung đến mức áp đảo, hình thành thế bao vây và ngày càng xiết chặt quanh Sài Gòn.

Sau khi thất thủ ở Phan Rang (16-4-1975) và Xuân Lộc (20-4-1975), địch ở Sài Gòn hoang mang, rối loạn. Đêm 21-4-1975, dưới áp lực của Mỹ và bọn tay sai, Nguyễn Văn Thiệu buộc phải từ chức. Chính phủ do Trần Văn Hương làm Tổng thống được dựng lên với đề nghị ngừng bắn và thương lượng, hòng làm chậm cuộc tiến công của ta.

Ngày 22-4-1975, Bộ Chính trị nhận định: “Thời cơ để mở cuộc tổng tiến công về quân sự và chính trị vào Sài Gòn đã chín muồi. Ta cần tranh thủ từng ngày để phát động tiến công. Hành động trong lúc này là đảm bảo chắc chắn nhất để giành thắng lợi hoàn toàn, nếu để chậm sẽ không có lợi cả về quân sự và chính trị”<sup>12</sup>. Ngày 26-4-1975, năm quân đoàn và tổng công đoàn bộ đội chủ lực

cùng các lực lượng vũ trang địa phương nhanh chóng vượt qua các tuyến phòng thủ vòng ngoài của địch, tiến vào nội đô Sài Gòn.

Trong cơn nguy kịch, tập đoàn Nguyễn Văn Thiệu do Trần Văn Hương đứng đầu được thay bằng nội các Dương Văn Minh, nhưng đã quá muộn. Vấn đề đặt ra là phải xoá bỏ toàn bộ công cụ của chủ nghĩa thực dân mới của Mỹ ở miền Nam. Bộ Chính trị và Quân uỷ Trung ương chỉ thị tiếp tục tiến quân theo kế hoạch “với khí thế hùng mạnh nhất, giải phóng và chiếm lĩnh toàn bộ thành phố, tước vũ khí quân đội địch, giải tán chính quyền các cấp của địch, đập tan triệt để mọi sự chống cự của chúng”<sup>13</sup>. 11 giờ 30 phút ngày 30-4-1975, cờ cách mạng tung bay trên nóc dinh Độc Lập. Chiến dịch Hồ Chí Minh toàn thắng.

Trong mùa Xuân 1975, Bộ Chính trị luôn theo dõi sát tình hình, nắm vững tình hình đối phương, đánh giá đúng so sánh lực lượng và thời cơ chiến lược, đề ra chủ trương sắc bén, linh hoạt, kiên quyết và kịp thời, chỉ đạo quân và dân ta liên tục tiến công và nổi dậy bằng ba đòn tiến công chiến lược trên các chiến trường Tây Nguyên, Huế - Đà Nẵng và Sài Gòn - Gia Định, làm tan rã toàn bộ nguy quân, làm sụp đổ toàn bộ nguy quyền, giải tán các tổ chức phản động, quét sạch cơ đồ thực dân mới của đế quốc Mỹ, hoàn thành cuộc cách mạng dân tộc dân chủ nhân dân trong cả nước, mở ra kỷ nguyên cả nước độc lập, thống nhất và đi lên chủ nghĩa xã hội.

---

**Chú thích:**

<sup>1</sup> Võ Nguyên Giáp. *Chiến tranh giải phóng dân tộc và chiến tranh bảo vệ Tổ quốc*, Nxb ST, HN, 1979, tr. 372.

<sup>2</sup> *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 34, Nxb Chính trị Quốc gia, HN, 2004, tr. 147.

<sup>3</sup> *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 34, Sđd, tr. 163.

<sup>4</sup> *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 34, Sđd, tr. 177.

<sup>5</sup> *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 34, Sđd, tr. 160.

<sup>6</sup> *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 35, Nxb Chính trị Quốc gia, HN, 2004, tr. 177.

<sup>7</sup> *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 35, Sđd, tr. 122.

<sup>8</sup> *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 35, Sđd, tr. 185.

<sup>9</sup> *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 35, Sđd, tr. 192, 195 và 197.

<sup>10</sup> *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 35, Sđd, tr. 32 và 34.

<sup>11</sup> *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 36, Nxb Chính trị Quốc gia, HN, tr. 89. 95 và 96.

<sup>12</sup> *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 36, Sđd, tr. 167.

<sup>13</sup> *Văn kiện Đảng Toàn tập*, tập 36, Sđd, tr. 176